

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022, giữa:

- Anh **Nguyễn Mậu T** Sinh năm: 1973

Địa chỉ: **Khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**

- Chị **Lê Thị N** Sinh năm: 1978

Địa chỉ: **Khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Nguyễn Mậu T** và chị **Lê Thị N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh **T** và chị **N** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Hoài T1**, sinh ngày 11/01/2002 và cháu **Nguyễn Mậu C**, sinh ngày 28/7/2010. Hiện cháu **T1** đã thành niên, có khả năng lao động. Anh **T** và chị **N** không yêu cầu Toà án giải quyết. Giao cháu **C** cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2023 cho đến khi cháu **C** thành niên.

Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh **T**, chị **N** không yêu cầu Toà án giải quyết. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung khi ly hôn, huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/02/2014 giữa bà **Vũ Thị P**, ông **Hà Văn V** và anh **Nguyễn Mậu T1**, chị **Hoàng Thị H** và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 859622 cấp ngày 12/3/2014, số vào sổ cấp GCN: CH00928 đứng tên **Nguyễn Mậu T1** và **Hoàng Thị H** của chị **N** do chị **N** đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu.

Về án phí DSST:

Anh **Nguyễn Mậu T** tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000315 ngày 14/10/2022. Anh **T** đã nộp đủ tiền án phí.

Trả lại cho chị **Lê Thị N** số tiền 59.545.000đ (Năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000456 ngày 05/01/2023.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Thịnh